TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 506/2023/HS-PT
Ngày 11/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn VĐ

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự H

Ông Đặng Đình L

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị C, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 467/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Thị H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Phạm Thị H, sinh ngày 10/02/1965 tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nữ; nơi cư trú: Tổ dân phố số 8 (trước là khu 11), thị trấn D, huyện Thái Th, tỉnh Th; nghề nghiệp: Nguyên thủ quỹ, thủ kho, nhân viên bán hàng - Ngân hàng nông nghiệp huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức Mậu và bà Đỗ Thị Mến (đều đã chết); có chồng là Bùi Văn Đô và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo Phạm Thị H sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn, đến ngày 25/6/2022 bị bắt theo Lệnh truy nã đến ngày 01/7/2022 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định***: Luật sư Phạm Xuân Trường - Văn phòng luật sư Phạm Hữu Lâm và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo do bị cáo mời:*** Luật sư Phạm Thế Vinh và luật sư Trần Xuân Khiêm - Văn phòng luật sư Đa Phúc, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cửa hàng vàng bạc thuộc Ngân hàng nông nghiệp huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (sau đây viết tắt là Cửa hàng) được thành lập theo Quyết đỉnh số 36/QĐ-NH ngày 01/4/1989 của Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Thái Bình, có chức năng gia công chế tác, kinh doanh vàng bạc, ngoại tệ, cho vay cầm đồ. Đến tháng 7/1995, Cửa hàng vàng bạc được phép thực hiện thêm nhiệm vụ cho vay thế chấp bất động sản và huy động vốn như thẻ tiết kiệm, kỳ phiếu có giá. Từ tháng 8/1995, việc hạch toán nghiệp vụ cho vay và kinh doanh được thực hiện tại Cửa hàng, các chứng từ cho vay không phải qua kiểm soát của Kế toán Ngân hàng nông nghiệp huyện Thái Thụy, Cửa hàng lưu trữ sổ sách chứng từ kế toán và hằng ngày gửi báo cáo về cho Kế toán Ngân hàng nông nghiệp huyện Thái Thụy, cuối tháng gửi báo cáo về Ngân hàng nông nghiệp huyện Thái Thụy và Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Thái Bình để theo dõi. Về tổ chức bộ máy của Cửa hàng: Cửa hàng có 04 biên chế, gồm: Vũ Văn Hiệp làm Cửa hàng trưởng kiêm công tác tín dụng, Lê Thị An làm Cửa hàng phó kiêm Kế toán, Phạm Thị H làm Thủ quỹ kiêm Thủ kho và nhân viên bán hàng của Cửa hàng, Hoàng Kim Giang làm Thợ kim hoàn kiêm giám định kỹ thuật. Từ tháng 6/1995, Vũ Văn Hiệp chuyển công tác lên Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Thái Bình, thì Lê Thị An - Cửa hàng phó kiêm Kế toán, phụ trách chung Cửa hàng. Từ ngày 10/01/1996, Đỗ Thế Lam được bổ nhiệm làm Cửa hàng trưởng kiêm công tác tín dụng. Theo Quy định số 1535/NHNo ngày 16/12/1994 của Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam về kinh doanh dịch vụ cầm cố quy định quy trình cho vay có cầm cố tài sản cụ thể là: Khi khách hàng đến vay vốn bằng hình thức cầm cố tài sản thì cán bộ tín dụng kiểm tra địa chỉ, nơi cư trú, giấy tờ tùy thân và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, xác định tính hợp pháp của vật cầm; đối với vật cầm là vàng, bạc, thì cán bộ kiểm định xác định trọng lượng, tuổi vàng, đối với USD (đôla) thì nhờ thủ quỹ kiểm tra (thật, giả) sau đó ký phiếu kiểm định để cán bộ tín dụng định giá trị tài sản vả thỏa thuận mức tiền cho vay, nếu hai bên thống nhất thì cán bộ tín dụng lập hợp đồng cho vay và lập phiếu nhập, xuất kho vật cầm để khách hàng cùng thủ kho niêm phong vật cầm là vàng, bạc, đôla. Túi niêm phong do khách hàng ký, Cửa hàng đóng dấu vào các mép dán để nhập kho và ký phiếu nhập kho, cán bộ tín dụng trình lãnh đạo Ngân hàng nông nghiệp huyện Thái Thụy ký duyệt hồ sơ. Sau đó chuyển hợp đồng cho kế toán làm phiếu chi tiền, chuyển phiếu chi cho thủ quỹ để xuất tiền cho khách hàng vay, kế toán theo dõi thu nợ. Từ cuối năm 1995 đến ngày 17/8/1996, do cần tiền để kinh doanh, trả nợ, chi tiêu cá nhân Lê Thị An đã cùng với bị cáo Phạm Thị H và Đỗ Thế Lam lập khống chứng từ, hợp đồng vay cầm cố chiếm đoạt tổng 6.548.900.000 đồng. Trong đó, bị cáo Phạm

Thị H trực tiếp chiếm đoạt số tiền 172.000.000 đồng, bị cáo Hương giúp sức cho Lê Thị An chiếm đoạt số tiền 6.322.900.000 đồng, bị cáo Hương giúp sức cho Đỗ Thế Lam chiếm đoạt 54.000.000 đồng, cụ thể:

- Về hành vi chiếm đoạt 172.000.000 đồng và giúp sức cho Lê Thị An chiếm đoạt 25.000.000 đồng. Từ tháng 6 đến tháng 8/1996, do cần tiền để kinh doanh mua bán hàng Trung Quốc và chi tiêu cá nhân, bị cáo Phạm Thị H đã lập khống 08 (tám) hợp đồng vay tiền của Cửa hàng vàng bạc bằng cách, tự nghĩ ra tên khách hàng để ghi vào hợp đồng và tự ký giả tên khách hàng và ký tên mình vào phần thủ quỹ. Tất cả các hồ sơ vay tiền, phiếu chi tiền mặt đều không có chữ ký phê duyệt của lãnh dạo, không có chữ ký của cán bộ tín dụng, cán bộ kiểm định. Các Phiếu chi chỉ có chữ ký của Lê Thị An ở mục sổ phụ, Phạm Thị H ở mục thủ quỹ để rút tiền của Cửa hàng ra để chiếm đoạt 147.000.000 đồng (danh sách các hợp đồng và số tiền chiếm đoạt như bút lục số 203). Hương cùng với Lê Thị An lập phiếu chi trùng đúp chiếm đoạt 50.000.000 đồng, ngày 27/7/1996, bà Tạ Thị Thúy, sinh năm 1955, trú tại xã Thuỵ Hải, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình đến Cửa hàng vay 50.000.000 đồng, ngày 29/7/1996, Cửa hàng xuất phiếu chi không số cho bà Thuý vay 30.000.000 đồng, đến ngày 06/8/1996 Cửa hàng xuất phiếu chi không số cho bà Thuý vay tiếp 20.00.000 đồng, tổng 50.000.000 đồng; nhưng đến ngày 12/8/1996, Lê Thị An và Phạm Thị H sử dụng hồ sơ vay tiền của bà Thúy tiếp tục lập Phiếu chi không số và rút tiếp của Cửa hàng số tiền 50.000.000 đồng chia cho Lê Thị An và Phạm Thị H mỗi người 25.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

- Về hành vi bị cáo Phạm Thị H giúp sức cho Đỗ Thế Lam và Lê Thị An chiếm đoạt số tiền 6.376 900.000 đồng. Hành vi giúp sức Đỗ Thế Lam chiếm đoạt 54.000.0000 đồng, ngày 24/6/1996, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Đỗ Thế Lam tự lập 01 hợp đồng vay vốn 19.000.000 đồng theo hình thức có tài sản thế chấp là xe máy, hợp đồng mang tên Đỗ Thế Lam (Khế ước số 312), mặc dù không có tài sản thế chấp là xe máy để cầm cố nhưng Đỗ Thế Lam đã nhờ Hương ký hoàn thiện thủ tục vào phần thủ kho trên phiếu giám định, phiếu nhập kho xe máy. Sau khi hoàn thành thủ tục, bị cáo Hương và An lập Phiếu chi không số ngày 24/6/1996 từ quỹ tiền mặt của Cửa hàng cho Đỗ Thế Lam số tiền 19.000.000 đồng, lấy được tiền, Đỗ Thế Lam chi tiêu cá nhân hết, ngày 17/8/1996, do cần tiền để chi tiêu cá nhân Đỗ Thế Lam nhờ Phạm Thị H lấy tiền trong quỹ để cho Lam vay số tiền 35.000.000 đồng từ quỹ tiền mặt, mặc dù khoản tiền này chưa lập hồ sơ vay tiền, chứng từ cho vay tiền theo quy định nhưng Phạm Thị H vẫn đồng ý và lấy tiền từ trong quỹ của Cửa hàng do mình quản lý đưa cho Đỗ Thế Lam số tiền 35.000.000 đồng và ghi vào sổ tay cá nhân của Hương, sau nhận được số tiền 35.000.000 đồng từ Phạm Thị H thì Đỗ Thế Lam đã chiếm đoạt số tiền này và bỏ trốn.

Hành vi giúp sức Lê Thị An chiếm đoạt số tiền 6.322.900.000 đồng, từ cuối năm 1995 đến tháng 8/1996, do cần tiền để mua bán, kinh doanh hàng Trung Quốc

và chi tiêu cá nhân, Lê Thị An đã bàn bạc với Phạm Thị H, sau đó An và Hương thống nhất cùng nhau lập 394 hợp đồng khống (danh sách các hợp đồng và số tiền chiếm đoạt như bút lục số 182 đến bút lục số 201), để rút tiền của Cửa hàng bằng cách An lập hồ sơ mang tên khách hàng do mình tự nghĩ ra, ký giả tên khách hàng. Sau khi An tự lập các hợp đồng và Phiếu giám định kiêm phiếu nhập, xuất kho, làm giả có vật cầm cố bằng cách đưa kim loại chì, nan hoa xe đạp, chìa khóa, hóa đơn bán hàng, phiếu thu chi của Cửa hàng vào niêm phong thay thế cho vật cầm cố là vàng, đô la (Mỹ) rồi tự ký giả tên khách hàng vào niêm phong, sau đó Lê Thị An đưa những hồ sơ này cho Hoàng Kim Giang ký vào mục cán bộ tín dụng, cán bộ kiểm định đối với 176 bộ hồ sơ và đưa cho Đỗ Thế Lam ký vào mục cán bộ tín dụng, cán bộ kiểm định đối với 162 bộ hồ sơ, còn lại chưa có chữ ký của cán bộ tín dụng, kiểm định, sau khi thực hiện các hành vi nêu trên Lê Thị An đưa những bộ hồ sơ này cho Nguyễn Hữu Nam - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp huyện ký duyệt đối với 103 bộ hồ sơ cho vay và Đỗ Thế Lam ký duyệt 67 bộ hồ sơ cho vay (đối vối các khế ước từ 10 triệu đồng trở xuống), số hồ sơ chưa ký duyệt 232 bộ hồ sơ, Lê Thị An lập phiếu chi rồi ký vào phần sổ phụ, Phạm Thị H ký ở phần Thủ quỹ rồi xuất tiền từ quỹ của Cửa hàng tổng số tiền 5.006.900.000 đồng đưa cho Lê Thị An để An chiếm đoạt số tiền này, cũng trong thời gian này Lê Thị An lập 39 phiếu chi mà không có hợp đồng vay vốn, tên khách hàng do Lê Thị An tự nghĩ ra ghi vào phiếu chi và tự ký vào phần sổ phụ rồi đưa cho Phạm Thị H ký vào phần thủ quỹ, sau đó Hương rút tiền từ quỹ của Cửa hàng ra số tiền 1.291.000.000 đồng đưa cho An để An chiếm đoạt. Tổng số tiền Phạm Thị H lợi dụng quyền hạn để chiếm đoạt của Cửa hàng là 6.548.900.000 đồng, trong đó Phạm Thị H trực tiếp chiếm đoạt 172.000.000 đồng và giúp sức cho Lê Thị An chiếm đoạt 6.322.900.000 đồng, giúp sức cho Đỗ Thế Lam chiếm đoạt 54.000.000 đồng.

Cáo trạng số 06/CT-VKSTB ngày 11/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội "Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa" theo quy định tại khoản 3 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1985.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 24/3/2023, Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a và điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 49/2016/HS-ST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã có hiệu lực pháp luật, không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Phạm Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bùi Văn Thịnh và nguyên đơn dân sự Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng - Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Phó giám đốc phụ trách Agribank chi nhánh huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Người được ủy quyền lại: Bà Vũ Thị Hường - Phó giám đốc phụ trách Agribank chi nhánh huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình về việc bị cáo Phạm Thị H tự nguyện trả cho Ngân hàng hông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thái thụy số tiền 30.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002373 ngày 21/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/3/2023, bị cáo Phạm Thị H kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đồng thời nhờ luật sư bào chữa cho mình trình bày lý do và bào chữa cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo với số tiền tham ô 147 triệu đồng là chưa đúng; vì trong số tiền này có 32 triệu đồng là do bị cáo Đỗ Thế Lam bảo bị cáo Hương cho Lam vay, do Lam là lãnh đạo của Hương nên Hương đã cho vay. Trong số 32 triệu đồng này thì có 20 triệu đồng là tiền riêng của Hương đang định trả cho Cửa hàng, 12 triệu là tiền trong quỹ của Cửa hàng, ngay khi cầm được tiền thì bị cáo Lam bỏ trốn. Bị cáo Hương chỉ trực tiếp lập 08 hợp đồng để trình lãnh đạo ký, vì Lê Thị An là cửa hàng phó phụ trách đã chỉ đạo nên Hương phải tuân theo; Bị cáo Hương có ý thức trả lại 32 triệu đồng cho Cửa hàng, việc bị cáo Hương bỏ trốn và định trở về đầu thú nhưng chưa kịp về đến nhà để ra đầu thú thì bị bắt; Bị cáo phạm tội có nguyên nhân từ việc bố trí cán bộ không hợp lý; về động cơ, mục đích phạm tội đã rõ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có vai trò thấp hơn Đỗ Thế Lam và Lê Thị An; Vụ án xảy ra đã lâu, không còn nguy hiểm cho xã hội; tuy việc bồi thường đã được giải quyết tại bản án từ năm 1998 nhưng khi bị bắt thì gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 30 triệu đồng để khắc phục một phần hậu quả; hiện nay sức khỏe của bị cáo rất yếu vì có nhiều bệnh tật; do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật ở mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bịc áo có cơ hội trở về chữa bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm:

Kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H làm trong hạn luật định cần được chấp nhận để xem xét. Về hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra từ đầu năm 1995 đến cuối tháng 8/1996; bị cáo đã trực tiếp lập 08 hồ sơ khống để chiếm đoạt số tiền

172.000.000 đồng; Trong đó, bị cáo còn dùng hồ sơ của bà Thúy để chi tiền hai lần cùng bị án Lê Thị An rút được 50.000.000 đồng để chia nhau. Bị cáo giúp sức cho bị án Lê Thị An chiếm đoạt 6.322.900.000 đồng, giúp sức cho Đỗ Thế Lam chiếm đoạt 54.000.000 đồng. Do vậy tại bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tình chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đồng phạm giúp Lê Thị An chiếm đoạt 6.322.900.000 đồng, đồng phạm giúp Đỗ Thế Lam chiếm đoạt 54.000.000 đồng, tự mình chiếm đoạt 172.000.000 đồng; sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra và bị bắt theo lệnh truy nã; bị cáo phạm tội rất nhiều lần nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết tăng nặng này cùng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo là thiếu sót và đã có lợi cho bị cáo (trong khi Tại bản án năm 1998 Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ xử phạt bị án Lê Thị An 20 năm tù là quá nhẹ). Vì vậy mức hình phạt 20 năm tù đối với bị cáo Phạm Thị H là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hương, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi và quyết định của các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tài liệu gì mới.

[2] Về nội dung:

Tại phiên phúc thẩm bị cáo Phạm Thị H tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như tại bản án sơ thẩm đã xác định, không oan. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, có đủ căn cứ một lần nữa xác định: Từ cuối năm 1995 đến ngày 17/8/1996, bị cáo Phạm Thị H đã lợi dụng vị trí Thủ quỹ kiêm Thủ kho của Cửa hàng vàng bạc thuộc Ngân hàng nông nghiệp Thái Thuy, tỉnh Thái Bình, đã thực hiện hành vi lập 08 hồ sơ vay tiền khống để tự mình chiếm đoạt số tiền 147.000.000 đồng của Cửa hàng và cùng với Lê Thị An - Cửa hàng phó kiêm Kế toán lập ra phiếu chi trùng đúp khoản vay của bà Tạ Thị Thúy, sinh năm 1955, trú tại xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình để chiếm đoạt 50.000.000 đồng của Cửa hàng (trong đó Hương hưởng 25.000.000 đồng, An hưởng 25.000.000 đồng); bị cáo Hương còn giúp sức cho Lê Thị An lập 394 hồ sơ vay tiền khống để An chiếm đoạt 6.322.900.000 đồng và bị cáo Hương còn giúp sức cho Đỗ Thế Lam - Cửa hàng trưởng chiếm đoạt 54.000.000 đồng của Cửa hàng.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo đã được chứng minh bằng các tài liệu thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, bị cáo xác nhận tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 của Quốc Hội xét xử hành vi của bị cáo Phạm Thị H về tội "Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1985 là đúng quy định.

Tuy vấn đề trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại các bản án đã có hiệu lực từ năm 1997 và 1998; nhưng quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã nộp số tiền 30 triệu đồng để khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận nhưng chưa áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; mặt khác bị cáo Hương phạm tội nhiều lần, cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định "Bị cáo Phạm Thị H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017" là thiếu sót, do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo mới đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo Phạm Thị H lợi dụng quyền hạn của mình khi làm Thủ quỹ kiêm Thủ kho của Cửa hàng vàng bạc thuộc Ngân hàng nông nghiệp huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình để thực hiện hành vi tham ô tài sản, đã trực tiếp chiếm đoạt 172.000.000 đồng và giúp sức cho Đỗ Thế Lam thực hiện hành vi tham ô tài sản chiếm đoạt 54.000.000 đồng, giúp sức cho Lê Thị An thực hiện hành vi tham ô tài sản chiếm đoạt 6.347.900.000 đồng tại thời điểm năm 1996 là tài sản có giá trị rất rất lớn trong điều kiện kinh tế xã hội của đất nước thời điểm đó. Tuy bị cáo Phạm Thị H có vai trò đồng phạm trong vụ án ngang với vai trò của Lê Thị An (đã bị xét xử tại Bản án số 49/2016/HS-ST ngày 28/12/2016 cũng của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình) nhưng do số tiền các bị cáo chiếm đoạt tại thời điểm đó là đặc biệt lớn nhưng chỉ xử phạt bị cáo 20 năm tù là đã có lợi cho bị cáo.

Nay không có thêm tình tiết gì mới để chấp nhận kháng cáo để giảm hình phạt cho bị cáo như quan điểm của luật sư bào chưa cho bị cáo. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình về bổ sung điều khoản áp dụng pháp luật, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 5; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a và điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2022.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học **Đặng Đình Lực** **Nguyễn Vũ Đông**

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *TTG - Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Bị cáo (qua trại);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông